

SỔ TÍNH ĂN

Ngày 19 tháng 01 năm 2026

I. Tiêu chuẩn được chi

ST T	Diễn giải	Số xuất ăn	Tiêu chuẩn được chi				Ghi chú
			Gạo/xuất (kg)	Tổng số (kg)	Tiền/xuất (đ)	Tổng số (đ)	
1	Cơm mẫu giáo	189	0,079	15	18,175	3.435.000	
2	Cơm nhà trẻ	63	0,078	4,9	18,211	1.147.300	
	Cộng	252		19,9		4.582.300	

II. Thức ăn trong ngày

ST T	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá	Mẫu giáo				Nhà trẻ				Tổng cộng	
				Bữa chính		Bữa phụ		Bữa chính		Bữa phụ		SL	TT
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT		
1	Bắp cải	Kg	18.000	8,5	153.000		-	2	36.000		-	10,5	189.000
2	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	20.000	7,5	150.000	1,6	32.000	1,7	34.000		-	11	216.000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	22.000	3,5	77.000		-	0,5	11.000		-	4,0	88.000
4	Củ cải trắng	Kg	20.000	4	80.000		-	0,3	6.000		-	4,3	86.000
5	Cua đồng	Kg	240.000		-		-	0,3	72.000		-	0,3	72.000
6	Dưa hấu	Kg	30.000	11	330.000		-	2,4	72.000		-	13,4	402.000
7	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	50.000		-	1,4	70.000		-		-	1,4	70.000
8	Gạo nếp	Kg	32.000		-	1,3	41.600		-		-	1,3	41.600
9	Hành khô	Kg	50.000	0,2	10.000		-	0,1	5.000		-	0,3	15.000
10	Hành lá	Kg	42.000	0,4	16.800		-	0,1	4.200		-	0,5	21.000
11	Rau mồng tơi	Kg	36.000		-		-	0,3	10.800		-	0,3	10.800
12	Rau muống	Kg	26.000		-		-	0,4	10.400		-	0,4	10.400
13	Su hào	Kg	24.000	4	96.000		-	0,3	7.200		-	4,3	103.200
14	Sườn lợn nguyên tấm	Kg	142.000		-	3,2	454.400		-		-	3,2	454.400
15	Thịt bò	Kg	250.000		-		-	0,4	100.000		-	0,4	100.000
16	Thịt lợn nạc vai	Kg	144.000	2	288.000		-	1,4	201.600		-	3,4	489.600
17	Thịt lợn sản mông	Kg	134.000	4,8	643.200		-	2,4	321.600		-	7,2	964.800
18	Xương đuôi	Kg	74.000	1,5	111.000		-	0,5	37.000		-	2,0	148.000
19	Nước mắm nam ngư đậm nhạt	Lít	30.000	0,2	6.000	0,12	3.600	0,1	3.000		-	0,4	12.600

20	Dầu ăn Neptune 5L	Lít	64.000	0,4	25.600	0,3	19.200	0,4	25.600	-	1,1	70.400	
21	Bột canh hải châu	Kg	25.000	0,28	7.000	0,2	5.000	0,14	3.500	-	0,6	15.500	
22	Muối hạt	Kg	12.000	0,05	600		-	0,1	1.200	-	0,15	1.800	
23	gạo tẻ bắc thơm	Kg	21.000	13,5	283.500	1,5	31.500	4,9	102.900	-	19,9	417.900	
24	Sữa Nuvi Grow School	Kg	260.000		-	3,25	845.000		-	0,75	195.000	4,00	1.040.000
					2.277.700		1.502.300		1.065.000		195.000	-	5.040.000

III. Phần quyết toán trong ngày

- Hôm trước chuyển sang: 0đ
- Tiêu chuẩn trong ngày: 5.040.000 đ
- Được chi trong ngày: 5.040.000 đ
- Đã chi trong ngày: 5.040.000 đ
- Số tiền chi vượt: 0đ

Kế toán



Bạch Thị Thắm

Phó hiệu trưởng



Nguyễn Thị Yến Nhi